

Số: 43 /2015/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 03 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý
Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3273/TTr-STC ngày 04/11/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ
- Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT, các TV UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN; Sở Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT. *1/1*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Phạm Văn Tông

QUY ĐỊNH

Quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bình Phước
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 43 /2015/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh).*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về thực hiện bình ổn giá, định giá của Nhà nước, hiệp thương giá, kiểm tra yếu tố hình thành giá, kê khai giá, niêm yết giá và các công tác khác trong quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; cơ quan Nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động bình ổn giá; định giá; hiệp thương giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; kê khai giá, niêm yết giá trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý giá

1. Nhà nước thực hiện quản lý giá theo cơ chế thị trường; tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước thực hiện điều tiết giá theo quy định của Luật Giá để bình ổn giá; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước.

3. Nhà nước có chính sách về giá nhằm hỗ trợ khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Nhà nước quy định nguyên tắc, phương pháp xác định giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá phù hợp với nguyên tắc của nền kinh tế thị trường.

**Chương II
BÌNH ỔN GIÁ**



Điều 4. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá

1. Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm: xăng động cơ (không bao gồm xăng máy bay), dầu hỏa, dầu điêzen, dầu mazut.
2. Điện bán lẻ.
3. Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).
4. Phân đạm urê; phân NPK.
5. Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ.
6. Vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm.
7. Muối ăn.
8. Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.
9. Đường ăn, bao gồm đường trắng và đường tinh luyện.
10. Thóc, gạo tẻ thường.
11. Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 5. Trường hợp thực hiện bình ổn giá

1. Khi giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 4 Quy định này có biến động bất thường xảy ra trong các trường hợp:

a) Giá mua hoặc giá bán trên thị trường tăng quá cao hoặc giảm quá thấp bất hợp lý so với mức tăng hoặc giảm giá do tác động của các yếu tố hình thành giá được tính theo các chế độ chính sách, định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc phương pháp tính giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành;

b) Giá mua hoặc giá bán trên thị trường tăng hoặc giảm bất hợp lý trong các trường hợp xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, dịch họa, khủng hoảng kinh tế - tài chính, mất cân đối cung - cầu tạm thời.

2. Khi mặt bằng giá biến động làm ảnh hưởng đến ổn định kinh tế xã hội, gây tác động xấu đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Điều 6. Các biện pháp bình ổn giá

1. Điều hòa cung cầu một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu trên địa bàn.
2. Các biện pháp về tài chính, tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện bình ổn giá theo quy định.
4. Kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hóa tồn kho; kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có trên địa bàn.

5. Áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế.

6. Định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cần thiết để phục vụ sản xuất, tiêu dùng.

Điều 7. Trách nhiệm trong việc thực hiện bình ổn giá

1. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã liên quan:

a) Kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh quyết định áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo thẩm quyền;

b) Tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Chính phủ, UBND tỉnh quyết định;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn địa phương;

d) Báo cáo Bộ Tài chính, UBND tỉnh về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Chính phủ, UBND tỉnh quyết định áp dụng trên địa bàn địa phương.

2. Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã và các tổ chức liên quan có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tài chính thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tổ chức triển khai các biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định, hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành và chỉ đạo của UBND tỉnh theo ngành, lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ được phân công;

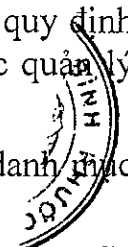
c) Tổ chức hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước về bình ổn giá đối với các mặt hàng thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá có trách nhiệm:

a) Thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định, hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý chuyên ngành và UBND tỉnh;

b) Chấp hành các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc bình ổn giá, quản lý Nhà nước về giá;

c) Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải báo cáo các yếu tố hình thành giá, giá



thành, giá bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá;

d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc khi có yêu cầu của Sở Tài chính, Sở quản lý chuyên ngành, UBND các huyện, thị xã và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền.

Điều 8. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện đăng ký giá

1. Cơ quan tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá:

a) Đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 8 và khoản 9 Điều 4 Quy định này, Sở Tài chính, Sở Công thương hoặc UBND huyện, thị xã nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá. Sở Tài chính chủ trì rà soát văn bản đăng ký giá, phối hợp với Sở Công thương, UBND huyện, thị xã rà soát các trường hợp cần thiết;

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 10 Điều 4 Quy định này, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hoặc UBND huyện, thị xã nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá. Sở Tài chính chủ trì rà soát văn bản đăng ký giá, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, UBND huyện, thị xã rà soát các trường hợp cần thiết.

2. Đối tượng thực hiện đăng ký giá:

a) Các tổ chức, cá nhân (*bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá*) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước mà không có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá tại Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá giữa Liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền;

b) Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (*ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định*) không phải đăng ký giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính và các Sở quản lý chuyên ngành về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính và các Sở quản lý chuyên ngành sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

3. Định kỳ vào ngày 01 tháng 07 hàng năm hoặc theo yêu cầu của UBND tỉnh, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, UBND các huyện, thị xã và tổ chức khác có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh rà soát, điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá tại địa phương.

4. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện đăng ký giá mặt hàng thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu quy định tại khoản 11 Điều 4 Quy định này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

5. Cơ quan tiếp nhận, rà soát hồ sơ có trách nhiệm đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan mình và trên Trang thông tin điện tử của UBND tỉnh Bình Phước các nội dung: Danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá; địa chỉ email, số điện thoại, số fax của các cơ quan được phân công tiếp nhận đăng ký giá.

6. Hàng hóa dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định về đăng ký giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.

7. Cách thức thực hiện đăng ký giá; quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá; quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong tổ chức thực hiện đăng ký giá thực hiện theo quy định tại Điều 5, 6, 7 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá (sau đây gọi tắt là Thông tư số 56/2014/TT-BTC).

Chương III

ĐỊNH GIÁ

Điều 9. Cơ quan tham mưu UBND tỉnh trong việc định giá

UBND tỉnh ban hành quyết định quy định giá đối với hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở thẩm định và tham mưu của Sở Tài chính đối với đề nghị của các Sở, ngành liên quan, cụ thể:

1. Sở Tài chính:
 - a) Giá nước sạch sinh hoạt;
 - b) Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất và đơn giá cho thuê mặt nước;
 - c) Giá cho thuê tài sản Nhà nước là các công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước;
 - d) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân Nhà nước theo quy định của pháp luật;
 - e) Giá các loại hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Giá các loại đất.
3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Giá rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu.

4. Sở Xây dựng: Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách Nhà nước; giá bán hoặc cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước theo quy định về pháp luật nhà ở.

5. Sở Y tế: Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo: Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh.

7. Sở Giao thông Vận tải: Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách tỉnh; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu và vùng xa.

Điều 10. Trình tự, thời gian quyết định giá

1. Trình tự, quy trình thẩm định phương án giá:

a) Bước 1: Lập và thẩm định phương án giá:

Các cơ quan được quy định tại Điều 9 Quy định này lập phương án giá theo lĩnh vực được phân công và gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình UBND tỉnh quyết định.

b) Bước 2: Trình phê duyệt phương án giá:

Sau khi có văn bản thẩm định của Sở Tài chính, các sở ngành chức năng được phân công thẩm định lập thủ tục trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

c) Bước 3: Quyết định phê duyệt phương án giá.

2. Hồ sơ, nội dung phương án giá: Thực hiện theo Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

3. Thời gian thẩm định giá và quyết định phê duyệt phương án giá thực hiện theo quy định của bộ thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành.

4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân lập phương án giá trong việc trình thẩm định, phê duyệt:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác các định mức, căn cứ và những thông tin có liên quan đến các yếu tố hình thành giá;

b) So sánh, phân tích và giải trình tính hợp lý, hợp lệ về mức giá đề xuất;

c) Thực hiện đúng quyết định giá của cấp có thẩm quyền ban hành.

Điều 11. Điều chỉnh mức giá đối với mặt hàng do Nhà nước định giá

1. Khi các yếu tố hình thành giá có biến động làm ảnh hưởng đến giá thành sản xuất, ảnh hưởng đến đời sống thì cơ quan được quy định tại Điều 9 tham mưu UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh giá.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá có quyền kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giá, điều chỉnh mức giá theo quy định của pháp luật nhưng phải nêu rõ lý do và cơ sở xác định mức giá đề nghị điều chỉnh.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý thì cơ quan có thẩm quyền định giá phải trả lời bằng văn bản.

4. Trình tự, thời hạn điều chỉnh giá thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 10 Quy định này.

Chương IV **HIỆP THƯƠNG GIÁ**

Điều 12. Trường hợp tổ chức hiệp thương giá

1. Hiệp thương giá thực hiện đối với hàng hóa, dịch vụ đáp ứng các điều kiện sau:

a) Hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

b) Hàng hóa, dịch vụ quan trọng được sản xuất, kinh doanh trong điều kiện đặc thù hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế; có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán, bên mua hoặc bên bán phụ thuộc nhau không thể thay thế được;

2. Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ được quy định tại khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Khi có yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh;

b) Khi có đề nghị của bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua và bán có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Trong trường hợp bên mua và bên bán có trụ sở đóng tại hai tỉnh khác nhau và hai bên cùng thống nhất đề nghị thì Sở Tài chính tỉnh Bình Phước chủ trì hiệp thương nếu không thống nhất được thì Sở Tài chính tỉnh Bình Phước chủ trì hiệp thương khi bên bán có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 13. Thành phần tham gia và hồ sơ hiệp thương giá

Thành phần tham gia hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ bao gồm: Sở Tài chính tỉnh Bình Phước; đại diện bên mua, bên bán; đại diện của cơ quan quản lý chuyên ngành và cơ quan có liên quan theo yêu cầu của Sở Tài chính tỉnh Bình Phước.

Hồ sơ hiệp thương giá thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Điều 14. Trình tự tổ chức hiệp thương giá: Thực hiện theo quy định của bộ thủ tục hành chính về hiệp thương giá trên địa bàn tỉnh Bình Phước do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành.

Chương V

KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 15. Hàng hoá, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá.
2. Hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá.
3. Hàng hoá, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của UBND tỉnh.

Điều 16. Thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan khác có liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 4 Quy định này; hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của UBND tỉnh quy định tại Điều 9 Quy định này và hàng hóa, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 17. Trình tự kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Sở Tài chính có văn bản yêu cầu kiểm tra yếu tố hình thành giá và gửi đến tổ chức, cá nhân được yêu cầu kiểm tra các yếu tố hình thành giá.
2. Sở Tài chính có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá.
3. Tiến hành kiểm tra yếu tố hình thành giá.
4. Thông báo kết luận kiểm tra yếu tố hình thành giá.

Điều 18. Các biện pháp xử lý vi phạm

1. Căn cứ kết quả kiểm tra, Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý đối với những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá.
2. Trường hợp hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự thì chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VI

KÊ KHAI GIÁ, NIÊM YẾT GIÁ

Điều 19. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 4 Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá.
2. Xi măng, thép xây dựng.
3. Than.
4. Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
5. Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước.
6. Sách giáo khoa.
7. Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước.
8. Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi.
9. Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế.
10. Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.
11. Trong từng giai đoạn, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với cơ quan chức năng trình UBND tỉnh bổ sung thêm danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá ngoài danh mục hàng hóa, dịch vụ nêu trên.

Điều 20. Cơ quan tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá và đối tượng thực hiện kê khai giá

1. Cơ quan tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá:
 - a) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại khoản 1 Điều 19 Quy định này, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Điều 8 Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá;
 - b) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5, khoản 6 Điều 19 Quy định này: Sở Tài chính, Sở Công thương hoặc UBND huyện, thị xã nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính tiếp nhận văn bản kê khai giá. Sở Tài chính chủ trì rà soát văn bản kê khai giá, phối hợp với Sở Công thương, UBND huyện, thị xã nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính để rà soát trong trường hợp cần thiết;
 - c) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại khoản 4 Điều 19 Quy định này: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn



hoặc UBND huyện, thị xã, thành phố nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính tiếp nhận văn bản kê khai giá. Sở Tài chính chủ trì rà soát văn bản kê khai giá, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, UBND huyện, thị xã nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính để rà soát trong trường hợp cần thiết;

d) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại khoản 8 Điều 19 Quy định này: Sở Tài chính, Sở Giao thông Vận tải hoặc UBND các huyện, thị xã, thành phố nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính tiếp nhận văn bản kê khai giá. Sở Tài chính chủ trì rà soát văn bản kê khai giá, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, UBND huyện, thị xã nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính để rà soát trong trường hợp cần thiết;

e) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại khoản 9 Điều 19 Quy định này: Sở Tài chính, Sở Y tế hoặc UBND các huyện, thị xã nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính tiếp nhận văn bản kê khai giá. Sở Tài chính chủ trì rà soát văn bản kê khai giá, phối hợp với Sở Y tế, UBND huyện, thị xã nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính để rà soát trong trường hợp cần thiết. Riêng đối tượng thực hiện kê khai giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế;

f) Hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định về kê khai giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.

2. Đối tượng thực hiện kê khai giá bao gồm:

a) Các tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực hiện kê khai giá tại Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc kê khai giá của liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền;

b) Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do nhà cung cấp quyết định) không phải kê khai giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính và Sở quản lý chuyên ngành về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính và Sở quản lý chuyên ngành sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

3. Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh thông báo các tổ chức, cá nhân kê khai giá trên địa bàn tỉnh; định kỳ vào ngày 01 tháng 07 hàng năm hoặc theo yêu cầu của UBND tỉnh, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, UBND huyện, thị xã và các cơ quan khác có liên quan tham mưu

cho UBND tỉnh rà soát, điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá tại địa phương.

4. Cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan mình và trên Trang thông tin điện tử của UBND tỉnh Bình Phước các nội dung về: Danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá; địa chỉ email, số điện thoại, số fax của các cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá.

Điều 21. Cách thức thực hiện kê khai giá và địa điểm, cách thức thực hiện niêm yết giá

1. Cách thức thực hiện kê khai giá thực hiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

2. Địa điểm niêm yết giá:

a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh (có quầy giao dịch và bán sản phẩm);

b) Siêu thị, trung tâm thương mại, chợ theo quy định của pháp luật, cửa hàng, cửa hiệu, Ki-ốt, quầy hàng, nơi giao dịch thực hiện việc bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

c) Hội chợ triển lãm có bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

d) Trong các trường hợp cụ thể, các ngành chức năng yêu cầu niêm yết tại các địa điểm khác theo quy định.

3. Cách thức niêm yết giá:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện niêm yết giá theo các hình thức thích hợp, rõ ràng và không gây nhầm lẫn cho khách hàng về mức giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bằng cách in, dán, ghi giá trên bảng, trên giấy hoặc trên bao bì của hàng hóa hoặc bằng hình thức khác tại nơi giao dịch hoặc nơi chào bán hàng hóa, dịch vụ để thuận tiện cho việc quan sát, nhận biết của khách hàng, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định và mua, bán đúng giá niêm yết. Đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì niêm yết theo giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và không được bán cao hơn hoặc mua thấp hơn giá niêm yết;

b) Đồng tiền niêm yết giá là Đồng Việt Nam trừ trường hợp pháp luật có quy định riêng;

c) Giá niêm yết là giá hàng hóa, dịch vụ đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) của hàng hóa, dịch vụ đó.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Tổ chức triển khai thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các tổ chức khác có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Điều 23. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy định này sẽ được khen thưởng theo chế độ hiện hành, nếu có hành vi vi phạm quy định quản lý Nhà nước về giá quy định tại Quy định này và các quy định khác của pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

Đối với các nội dung khác có liên quan không Quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo các Quy định tại Luật Giá, Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ, Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Quy định khác của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có phát sinh vướng mắc, các tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH

KHO CHỦ TỊCH



Phạm Văn Công